

# Tuyển Trạch Bốn Nguyện Niệm Phật Tập

法然上人  
選擇本願念佛集

## Phần 3 Chương Chín Tứ Tu

*Hành giả Niệm Phật, nên thực hành pháp tứ tu.*

Vãng Sinh Lễ Tán của ngài Thiện Đạo nói: “Lại khuyên thực hành pháp tứ tu. Tứ tu là gì?”

Một là “cung kính tu”, nghĩa là cung kính lễ bái Đức Phật A Di Đà và chư thánh ở cõi Cực Lạc, nên gọi là cung kính tu; thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa đường, tức là “trường thời tu”.

Hai là “vô dư tu”, nghĩa là chuyên tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà, chuyên tâm ức niệm, chuyên tâm quán tưởng, chuyên tâm lễ bái, chuyên tâm tán thán Đức Phật A Di Đà và chư thánh ở cõi Cực Lạc, không tu hạnh nào khác, nên gọi là “vô dư tu”; thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa đường, tức là trường thời tu.

Ba là “vô gián tu”, nghĩa là cung kính, lễ bái, xưng danh, tán thán, tưởng nghĩ, quán sát, hồi hướng, phát nguyện, niệm niệm tương tục, không để các hành nghiệp khác làm cho gián đoạn, cho nên gọi là vô gián tu; hơn nữa, không để các phiền não tham sân làm gián đoạn, nếu vi phạm lời Phật dạy, liền phải sám hối, không nên trì hoãn, dù là một niệm, một khoảng thời gian ngắn, hoặc một ngày, thường giữ cho thanh tịnh, đây cũng gọi là vô gián tu; thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là trường thời tu.

Tây Phương Yếu Quyết nói: Chỉ tu pháp tứ tu, dùng đây làm chánh niệm.

Một là trường thời tu: từ lúc sơ phát tâm, cho đến lúc thành Phật, thường tu tịnh nghiệp, quyết định không thoái chuyển.

Hai là cung kính tu, có năm phần:

a/ Cung kính bậc thánh có duyên với mình, nghĩa là bất cứ lúc nào, dù đi đứng nằm ngồi, đều không nên quay lưng về hướng tây, còn những lúc khạc nhổ, thì lại không được quay mặt về hướng tây.

b/ Cung kính tôn tượng, giáo pháp có duyên với mình, nghĩa là tạo lập thánh tượng của Đức A Di Đà và cõi Cực Lạc; nếu như không thể tạo nhiều, chỉ cần tạo lập tượng của Đức A Di Đà và hai vị Bồ tát cũng được; giáo pháp tức là kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ, v.v., nên dùng túi ngũ sắc bọc lại, tự mình đọc tụng, đồng thời giáo hóa người khác; an trí kinh, tượng trong phòng ốc trang nghiêm, sáu thời lễ bái, sám hối, dùng hương hoa cúng dường, đặc biệt sanh lòng tôn trọng.

c/ Cung kính thiện tri thức có duyên với mình, nghĩa là đối với những bậc tuyên giảng giáo pháp Tịnh Độ, trong vòng ngàn do tuần, cho đến mười do tuần trở lại, đều phải kính trọng, tìm đến gần gũi, cúng dàng; đối với những vị thuộc về giáo phái khác, đều phải giữ lòng kính trọng; đối với người không đồng pháp tu với mình, cũng phải kính trọng sâu xa, nếu như sinh lòng khinh mạn, sẽ bị tội vô cùng, cho nên cần phải cung kính để diệt trừ chướng ngại cho sự tu hành.

d/ Cung kính bạn đồng tu có duyên với mình, nghĩa là tự mình tội chướng sâu nặng, đạo nghiệp chưa thành, cần phải nhờ vào bạn đạo mới có thể tu tập, cứu giúp nhau trong những lúc nguy khốn, hoạn nạn, trợ lực cho nhau trong sự nghiệp tu hành, do đây đồng bạn thiện duyên, phải nên lo lắng, chăm sóc cho nhau.

e/ Cung kính Tam bảo, đối với Đồng thể Tam bảo và Biệt tướng Tam bảo, đều phải thâm tâm kính trọng, ở đây không nói nhiều. Các hành giả trình độ nông cạn, chưa thể y vào đây (Đồng thể, Biệt tướng) mà tu tập được, hiện nay chỉ có Trụ trì Tam bảo là có thể làm đại nhân duyên cho những hành giả sơ cơ mà thôi. Ở đây xin nói sơ lược: Phật bảo, tức là những hình tượng tạc bằng gỗ chiên đàn, hoặc thêu trên gấm, trên lụa, hoặc dũa ngọc, đúc vàng, hoặc mài đá, hoặc vẽ trên lụa, hoặc nặn bằng đất, v.v.. Những hình tượng này phải nên đặc biệt tôn kính, cúng dường! Tam thời quán tưởng hình tượng sẽ diệt tội chướng, tăng phước báo, còn nếu sinh lòng khinh mạn sẽ tăng ác nghiệp, mất thiện căn. Chỉ cần quán tưởng hình tượng, ắt thường được thấy Phật thật. Pháp bảo, tức là giáo pháp tông chỉ của ba Thừa, lưu xuất từ pháp giới, những điều được giảng giải có thể sinh khởi nhân duyên giải thoát, bởi thế phải nên kính ngưỡng, để cầu thành cơ sở phát sinh trí tuệ. Kinh điển được sao chép, phải nên an trí trong phòng ốc sạch sẽ, dùng hộp rương cất chứa, tôn trọng tin kính. Lúc đem ra đọc tụng, thân thể, y phục đều phải sạch sẽ, khiết tịnh. Tăng bảo, tức là từ các bậc Thánh tăng, Bồ tát, nhân đến những kẻ phá giới phạm trai, đều phải dùng tâm bình đẳng tôn kính, không nên sinh lòng kiêu mạn.

Ba là vô gián tu, nghĩa là thường niệm Phật, nghĩ đến sự vãng sinh, trong tất cả mọi thời, tâm thường tưởng niệm, ví như có người bị kẻ khác cướp đoạt hết tài sản, trở thành người bần hàn hạ tiện, chịu nhiều gian khổ, bỗng nhiên nhớ đến cha mẹ, lòng muốn trở về quê hương, tuy chưa chuẩn bị hành lý, thân còn ở xứ người, nhưng ngày đêm tưởng nhớ, sầu não muôn phần, không lúc nào mà không tưởng nghĩ đến cha mẹ, sau đó, khi thực hiện được nguyện vọng, trở về cố hương, gần gũi cha mẹ, vô cùng khoái lạc. Người tu Tịnh Độ cũng thế, bị nhân duyên phiền não đời quá khứ, phá hoại động loạn thân tâm, tài sản phước trí trần bảo thấy đều mất hết, trôi lăn dài lâu trong sinh tử, không được tự do, thường làm nô bộc cho ma vương (phiền não), bị xô dạt vào sáu nẻo, thống khổ thân tâm, nay gặp được thiện duyên, hốt nhiên được nghe đến Đức Từ Phụ A Di Đà không quên bản nguyện cứu độ chúng sinh, bèn ngày đêm bằng hoàng, phát tâm cầu vãng sinh Cực Lạc; bởi thế phải nên tinh tiến cần mẫn, quên cả mệt nhọc, thường nghĩ đến ơn của Phật, nguyện báo ơn sâu, tâm thường nghĩ nhớ.

Bốn là vô dư tu, nghĩa là chuyên tâm cầu sinh Cực Lạc, lễ bái, tưởng niệm Đức A Di Đà, không tu các tạp hạnh khác, nếu như đã tu, cũng nên hoãn lại, còn việc niệm Phật, tụng kinh, thì không nên xao lãng.

*Lời bàn:* Chúng ta đã thấy qua đoạn văn về tứ tu, e rằng rườm rà nên không giải thích, thế nhưng, tựa đề tuy nói tứ tu, đoạn văn chỉ giải thích tam tu, đây là do đoạn văn thiếu sót, hay là có thâm ý khác?

Trả lời: Đây không phải là do đoạn văn thiếu sót, mà thực sự là có thâm ý. Vì sao biết được? Tứ tu, tức là (a) trường thời tu, (b) ân trọng tu (cung kính tu), (c) vô dư tu, và (d) vô gián tu, nhưng ở đây dùng pháp tu đầu (trường thời) làm hạnh chung cho ba pháp tu kia, ví như pháp ân trọng (cung kính) tu, nếu thoái hạnh ân trọng, ắt không thể thành tựu, pháp vô dư tu, nếu thoái hạnh vô dư, ắt không thể thành tựu, pháp vô gián tu, nếu thoái hạnh vô gián, ắt không thể thành tựu; vì muốn thành tựu ba hạnh này, cho nên đem trường thời tu thêm vào ba pháp tu trên, làm pháp tu chung, cho nên phần dưới của ba pháp tu đều có đoạn “thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là trường thời tu”, giống như tinh tiến ba la mật là chung cho các ba la mật kia vậy!

## Chương Mười Hóa Phật Tán Thán

*Hóa thân của Đức A Di Đà đến tiếp dẫn, không tán thán hạnh lành nghe kinh, mà chỉ tán thán công hạnh Niệm Phật.*

**Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Hoặc có chúng sinh, tuy không phải báng kinh điển Phương đẳng, nhưng tạo nhiều ác nghiệp không biết hổ thẹn, kể ấy khi lâm chung gặp thiện tri thức nói cho nghe danh đề của mười hai loại kinh Đại thừa, liền được trừ nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp, bậc thiện tri thức lại bảo phải chấp tay niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật”, do đương**

**nhơn thành tâm xưng danh niệm Phật, nên tiêu trừ năm mươi ức kiếp sanh tử, ngay khi ấy, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cảm biết, liền sai Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí hiện đến trước mặt hành giả khen rằng: “Lành thay thiện nhân! Ông đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đây để rước ông.”**

Quán Kinh Sớ nói: “Đức Hóa Phật tán thán, chỉ nói do công hạnh xưng danh Niệm Phật mà đến tiếp dẫn, chứ không đề cập đến công hạnh nghe kinh. Thế nhưng, xét nguyện ý của Phật, chỉ là khuyến khích chánh niệm xưng danh, mau được vãng sinh, không đồng với các công hạnh tạp thiện hoặc tán thiện. Quán Kinh và các bộ kinh Tịnh Độ khác, chỗ nào cũng khen ngợi, khuyến khích hành giả xưng danh hiệu Phật, và đó là sự ích lợi trọng yếu. Phải nên nhớ điều này!

*Lời bàn:* Hạnh lành nghe kinh không phải là bản nguyện của Phật, vì là tạp nghiệp cho nên Hóa Phật không tán thán. Công hạnh Niệm Phật là bản nguyện của Phật, vì là chánh nghiệp cho nên Hóa Phật tán thán, hơn nữa, nghe kinh và niệm Phật, sự diệt tội ít nhiều cũng không giống nhau. Quán Kinh Sớ nói:

Hỏi: Vì sao nghe đề kinh của mười hai phần giáo, chỉ tiêu trừ ngàn kiếp tội chướng, trong khi chỉ cần niệm một danh hiệu Phật, liền có thể diệt trừ năm trăm vạn kiếp tội chướng, ý này thế nào?

Trả lời: Nghiệp chướng của người tạo tội rất sâu dày, hơn nữa, nỗi khổ của sự chết đến bức bách, bậc thiện tri thức tuy nói nhiều đề kinh, tâm lãnh thọ của người nghe phù động tán loạn, do tâm phù động tán loạn, nên sự diệt tội tương đối ít, còn như danh hiệu Phật là một, cho nên có thể thu nhiếp sự tán loạn, làm tâm an trụ, và lại, bậc thiện tri thức lại bảo người sắp chết chánh niệm xưng danh hiệu Phật, do tâm tha thiết trân trọng, cho nên có thể diệt trừ nhiều kiếp tội chướng.

## **Chương Mười Một Tán Thán Niệm Phật**

*Đối với các hạnh tạp thiện mà khen ngợi công hạnh Niệm Phật*

**Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó là hoa Phân Đà Lợi trong loài người, các vị Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là bạn thù thắng của người đó, người đó sẽ ngồi đạo tràng, sinh vào nhà Phật.**

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu “Nếu có người niệm Phật”, cho đến câu “sinh vào nhà Phật”, chánh thức nói rõ công năng siêu tuyệt của Niệm Phật Tam Muội, trên thực tế, không phải những công hạnh tạp thiện có thể so sánh được. Có năm phần:

a/ Chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà,

b/ Tán thán hành giả Niệm Phật,

c/ Người nào có thể niệm Phật không gián đoạn, người đó rất là hiếm có, cho nên ví như hoa Phân Đà Lợi (sen trắng). Phân Đà Lợi, gọi là hoa đẹp trong loài người, còn gọi là hoa hiếm có, còn gọi là hoa bậc thượng thượng, còn gọi là hoa diệu hảo trong loài người, hoa này tương truyền gọi là “sái hoa”. Nếu người nào niệm Phật, người đó là người tốt trong loài người, người diệu hảo, người bậc thượng thượng, người hiếm có, người thù thắng nhất trong loài người.

d/ Người chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thì các ngài Quán Âm, Thế Chí thường theo bảo hộ như bóng với hình, cũng giống như bạn thân hoặc thiện tri thức.

e/ Đời này được lợi ích như vậy, sau khi mệnh chung sẽ sinh vào nhà Phật, tức là vãng sinh Tịnh Độ, đến đó thường được nghe pháp, phụng sự chư Phật, nhân viên quả mãn, ngày ngồi đạo trường đâu còn xa xăm gì nữa?

Hỏi: Kinh nói: “Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó, v.v..”, đây tuy là khen ngợi hành giả Niệm Phật, thế nhưng nhà chú giải lại nói: “thực tế, không phải những công hạnh tạp thiện có thể so sánh được”, đem Niệm Phật so sánh với tạp thiện để đặc biệt khen ngợi Niệm Phật là có ý gì?

Trả lời: Lời Kinh tuy tâng ân, nhưng ý nghĩa lại rất rõ ràng. Lý do biết được là vì Kinh này đã nói đến các công hạnh định thiện, tán thiện, cùng công hạnh Niệm Phật, thế mà trong đây đặc biệt nêu lên pháp Niệm Phật, để ví với hoa Phân Đà Lợi, nếu như không so sánh với tạp thiện, làm sao có thể nêu lên công đức Niệm Phật vượt qua các công hạnh lành khác, vả lại, nói “người Niệm Phật là người tốt trong loài người” là so với cái “xấu” mà nêu cái “tốt”, nói “người diêu hảo trong loài người” là so với cái “thô ác” mà nêu cái “diêu hảo”, nói “người bậc thượng thượng trong loài người” là so với cái “hạ hạ” mà nói cái “thượng thượng”, nói “người hiếm có trong loài người” là so với cái “thông thường” mà nói cái “hiếm có”, nói “người thù thắng trong loài người” là so với cái “hạ liệt nhất” mà khen cái “thù thắng nhất”.

Hỏi: Nếu đã cho rằng xưng danh hiệu Phật là bậc “thượng thượng”, tại sao trong phẩm thượng thượng lại không nói đến, mà phải đợi đến phẩm hạ hạ mới nói đến niệm Phật?

Trả lời: Phần trên đã chẳng nói “công hạnh Niệm Phật là chung cho chín phẩm” hay sao? Như phần trên đã dẫn Văn Sinh Yêu Tập nói: “Tùy theo sự thắng, liệt mà phân làm chín phẩm”. Vả lại, hạ phẩm hạ sinh là kẻ phạm tội nặng ngũ nghịch, các công hạnh khác không thể trừ diệt tội nghịch, chỉ có công lực của Niệm Phật mới có thể trừ diệt những tội nặng đó, do đó, vì kẻ cực ác thấp hèn nhất mà nói pháp cực thiện cao quý nhất, ví như căn bệnh vô minh sâu dày, nếu không có liều thuốc “Trung đạo”, thì không thể trừ diệt được, hiện nay, căn bệnh ngũ nghịch sâu nặng này, nếu không có liều thuốc linh “Niệm Phật”, thì làm sao trị liệu được? Bởi thế, ngài Hoàng Pháp Đại Sư trong Nhị Giáo Luận đã dẫn Lục Ba La Mật Kinh nói: “Pháp bảo thứ ba, nghĩa là chánh pháp mà vô lượng chư Phật đời quá khứ đã nói, cũng như ta hiện nay đang nói, tức là tám vạn bốn ngàn diêu pháp, dùng để điều phục, thuần thực các chúng sinh có duyên, làm cho các đệ tử lớn của ta, như A Nan Đà, v.v..., nghe qua một lần, đều có thể ghi nhớ, hành trì. Các pháp có thể phân làm năm tạng: (1) tổ đất lăm (kinh), (2) tỳ nại da (luật), (3) a tỳ đạt ma (luận), (4) bát nhã ba la mật, (5) đà la ni môn. Năm tạng này giáo hóa hữu tình, tùy theo căn cơ mà giảng nói. Nếu như chúng sinh đó ưa ở núi rừng, thích sống nhàn nhã tĩnh tịch, tu tập thiền định, thì nên vì họ mà giảng nói tạng tổ đất lăm; nếu chúng sinh đó ưa thích tu tập uy nghi, hộ trì chánh pháp, tu pháp lục hòa, làm cho chánh pháp trụ thế dài lâu, thì nên vì họ giảng nói tạng tỳ nại da; nếu chúng sinh đó thích giảng nói chính pháp, phân biệt tính tướng, nghiên cứu truy tầm cứu cánh thâm sâu, thì nên vì họ giảng nói a tỳ đạt ma; nếu chúng sinh đó ưa thích học tập trí tuệ chân thực của Đại thừa, xa lìa sự chấp trước phân biệt về ngã và pháp, thì nên vì họ giảng nói tạng bát nhã ba la mật; nếu chúng sinh đó không thể thọ trì khế kinh, điều phục (luật), đối pháp (luận), bát nhã, hoặc có chúng sinh tạo các nghiệp ác, phạm bốn giới trọng, tám giới trọng, năm tội vô gián, phi báng Đại thừa, hoặc là nhất xiển đề, v.v..., nếu muốn tiêu diệt tất cả tội nặng, mau được giải thoát, đốn ngộ Niết bàn, thì nên vì họ mà giảng nói tạng đà la ni. Năm pháp tạng này, ví như nhũ (sữa), lạc, sinh tô, thực tô và diêu đề hồ. Khế kinh như nhũ, điều phục như lạc, đối pháp như sinh tô, Đại thừa Bát nhã như thực tô, còn tông trì (đà la ni) môn như đề hồ. Trong các mùi vị của nhũ, lạc, v.v..., mùi vị của đề hồ là vị diêu đề nhất, có thể trừ diệt bệnh tật, làm cho thân tâm của hữu tình được an lạc. Trong các loại như khế kinh, v.v..., tông trì môn là đệ nhất, có thể trừ diệt tội nặng, làm cho chúng sinh được giải thoát khỏi sinh tử, mau chứng Niết bàn, an lạc pháp thân.”

Trong đây, năm tội vô gián tức là năm tội nghịch, nếu như không có thuốc thần diêu đề hồ, thì năm bệnh vô gián này khó mà trị liệu; Niệm Phật cũng như thế, trong các giáo pháp văn sinh, Niệm Phật Tam Muội, cũng giống như tông trì, và cũng giống như đề hồ. Nên biết, nếu không có thuốc đề hồ Niệm Phật Tam Muội, thì năm bệnh nặng vô gián, khó lòng mà trị liệu.

Hỏi: Nếu vậy, hạ phẩm thượng sinh là người phạm mười tội ác nhẹ, tại sao lại nói Niệm Phật?

Trả lời: Niệm Phật Tam Muội còn trừ diệt tội nặng, huống là tội nhẹ! Các công hạnh khác không được như thế, hoặc là diệt được tội nhẹ mà không diệt được tội nặng, hoặc là trừ diệt một tội mà không thể trừ diệt hai tội, Niệm Phật không giống như vậy, trừ diệt tội nặng lẫn tội nhẹ, đối trị tất cả, ví như thuốc a già đà có thể trị lành tất cả bệnh, cho nên Niệm Phật Tam Muội là vua trong các tam muội. Chín phẩm hợp lại, chỉ có một nghĩa. Nếu như kẻ phạm ngũ nghịch hồi tâm, có thể văn sinh bậc

thượng thượng. Công hạnh đọa tụng Đại thừa vẫn có thể vãng sinh hạ phẩm hạ sinh. Thập ác là tội nhẹ, phạm giới là tội vừa, mỗi việc đều có thể vãng sinh phẩm thượng lẫn phẩm hạ. Mỗi pháp đều có chín phẩm, tính ra tổng cộng có tám mươi một phẩm, hơn nữa, ngài Ca Tài nói: “Chúng sinh tu tập công hạnh, có ngàn loại khác nhau, đến lúc vãng sinh thấy cõi Cực Lạc, thì cũng có vạn sự sai khác.” Hành giả không nên chấp trước vào mặt chữ!

Trong đây, Niệm Phật là công hạnh thù thắng, cho nên ví với hoa Phân Đà Lợi; hơn nữa, các ngài Quán Âm, Thế Chí theo bên bảo hộ như bóng theo hình, không tạm xa lìa, các công hạnh khác không được như vậy, lại nữa, hành giả Niệm Phật, sau khi mạng chung, quyết định vãng sinh Cực Lạc thế giới, tu các công hạnh khác thì không nhất định.

Người tu tịnh độ được năm điều vinh hạnh, lại được hai vị Đại Bồ tát thường theo bên hộ trì, đây là lợi ích hiện đời, lại được vãng sinh Tịnh Độ, cho đến lúc thành Phật, đây là lợi ích tương lai.

Lại nữa, ngài Đạo Xước đối với công hạnh Niệm Phật, thiết lập “hai sự lợi ích thì, chung”. An Lạc Tập nói: “Chúng sinh niệm Phật, được Phật nhiếp thọ, thủ hộ không gián đoạn, khi mệnh chung được vãng sinh, đây gọi là “thì ích”, còn “chung ích” là như Quán Âm Thọ Ký Kinh nói: “Phật A Di Đà trụ thế lâu dài, hằng sa vô lượng kiếp, cũng có lúc diệt độ, lúc nhập Niết bàn, chỉ còn hai ngài Quán Âm, Thế Chí trụ trì cõi An Lạc, tiếp dẫn mười phương chúng sinh. Sau khi Đức Phật A Di Đà diệt độ, hoàn cảnh cũng giống như khi ngài trụ thế, thế nhưng, tất cả chúng sinh ở cõi Cực Lạc không ai thấy ngài, chỉ riêng những người chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà vãng sinh, thường thấy Đức A Di Đà, hiện trụ tại thế, không hề diệt độ. Đây tức là “chung ích”.

Như vậy, Niệm Phật có những sự lợi ích hiện tại, vị lai, cùng thì ích (ích lợi hiện đời) và chung ích (ích lợi rốt ráo).

## Chương Mười Hai Phó Chúc Niệm Phật

*Đức Thế Tôn không phó chúc ngài A Nan các hạnh định thiện và tán thiện, mà chỉ riêng phó chúc công hạnh Niệm Phật.*

**Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: Đức Phật bảo ngài A Nan: “Ông nên khéo hộ trì kinh này, hộ trì kinh này tức là trì niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật”.**

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu “Đức Phật bảo ngài A Nan: Ông nên khéo hộ trì ..”, chính thức thuyết minh sự phó chúc “danh hiệu Phật A Di Đà”, làm cho lưu truyền dài lâu đời sau. Từ trước đến nay, tuy nói sự lợi ích của hai môn định thiện và tán thiện, xét kỹ bốn nguyện của Phật, ý của Ngài là muốn chúng sinh một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà.

*Lời bàn:* Đoạn văn trong Quán Kinh Sớ có hai phần: (a) công hạnh định thiện và tán thiện, (b) công hạnh Niệm Phật. Trong phần định thiện tán thiện lại chia làm hai phần: (i) định thiện, (ii) tán thiện.

i/ Định thiện: có mười ba phần: (1) quán mặt trời, (2) quán nước, (3) quán đất, (4) quán cây báu, (5) quán ao báu, (6) quán đèn đài báu, (7) quán tòa sen, (8) quán tượng, (9) quán thân Phật A Di Đà, (10) quán thân Đức Quán Thế Âm, (11) quán thân Đức Đại Thế Chí, (12) quán vãng sinh tổng quát, (13) quán tạp tướng. Những pháp quán này, Quán Kinh đều có nói đầy đủ. Dù không tu các công hạnh nào khác, mười ba pháp quán này, tùy theo sức mình, tu một hoặc tu nhiều pháp quán, đều được vãng sinh. Ý chỉ này trong Quán Kinh đã nói rõ, không nên nghi ngờ lưỡng lự.

ii/ Tán thiện: có hai phần: (1) ba phước, (2) chín phẩm.

1/ Ba phước. Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành; hai là thọ trì Tam quy, đầy đủ giới hạnh, không phạm uy nghi; ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọa tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn hành giả.”

Hiếu dưỡng cha mẹ, có hai trường hợp, một là hiếu dưỡng thế gian, hai là hiếu dưỡng xuất thế gian. Hiếu dưỡng thế gian, như trong Hiếu Kinh, v.v.. đã nói; hiếu dưỡng xuất thế gian, như trong luật tạng đã nói.

Phụng sự sư trưởng, cũng có hai trường hợp: một là sư trưởng thế gian, hai là sư trưởng xuất thế gian. Sư trưởng thế gian là những bậc thầy dạy dỗ về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, v.v..., sư trưởng xuất thế gian là những bậc thầy dạy dỗ về hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ. Dù không tu tập những công hạnh khác, có thể dùng sự tu tập hiếu dưỡng, phụng sự sư trưởng làm nghiệp vãng sinh.

Từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành: ở đây có hai nghĩa: (1) “Từ tâm không giết hại”, tức là tâm từ vô lượng trong tứ vô lượng tâm, đây là nêu ra một tâm để nói chung cho bốn tâm, dù không tu tập những công hạnh khác, có thể dùng sự tu tập tứ vô lượng tâm làm nghiệp vãng sinh; (2) “Tu mười nghiệp lành”, tức là (i) không sát hại, (ii) không trộm cắp, (iii) không tà dâm, (iv) không nói dối, (v) không nói lời vô nghĩa, (vi) không nói lời ác, (vii) không nói lời đâm thọc, (viii) không tham lam, (ix) không sân hận, (x) không tà kiến. Ở đây hợp hai câu “từ tâm không giết hại” và “tu mười nghiệp lành” lại làm một câu, điều này có nghĩa là “từ tâm không giết hại” không phải là tâm từ trong tứ vô lượng tâm, mà là chỉ cho điều thiện đầu “không giết hại” trong pháp thập thiện, cho nên câu “từ tâm không giết hại” chỉ là một câu trong pháp tu thập thiện. Dù không tu tập các công hạnh khác, có thể dùng sự tu tập mười nghiệp lành làm nghiệp vãng sinh.

Thọ trì Tam Quy y: tức là quy y Phật, Pháp, Tăng. Ở đây cũng có hai phần: Tam quy y Đại thừa và Tam quy y Tiểu thừa.

Đầy đủ giới luật: đây cũng có hai phần: giới luật Đại thừa và giới luật Tiểu thừa.

Không phạm uy nghi: đây cũng có hai phần: (a) Đại thừa có tám vạn uy nghi, (b) Tiểu thừa có ba ngàn uy nghi.

Phát Bồ đề tâm: ở đây, chủ trương của các nhà chú giải không giống nhau, chẳng hạn như Thiên Thai Tông chủ trương có bốn loại phát Bồ đề tâm của bốn giáo, tức là tạng giáo, thông giáo, biệt giáo và viên giáo, điều này được nói rõ trong quyển Ma Ha Chỉ Quán; còn Chân Ngôn Tông thì chủ trương có ba loại phát Bồ đề tâm, tức là hạnh nguyện, thắng nghĩa và tam ma địa, điều này được nói đầy đủ trong quyển Bồ Đề Tâm Luận; Hoa Nghiêm Tông cũng nói đến Bồ đề tâm, như trong phần giải thích ý nghĩa Bồ đề tâm của tông phái họ, hoặc trong quyển Du Tâm An Lạc Đạo của ngài Nguyên Hiểu, v.v..., có nói đến; các tông khác như Tam Luận, Pháp Tướng cũng đều đề cập đến Bồ đề tâm, như trong các chú sớ của tông phái họ có nói rõ; hơn nữa, ngài Thiện Đạo trong Quán Kinh Sớ cũng có giải thích về Bồ đề tâm. Phát Bồ đề tâm, tên tuy giống nhau, tùy sự giải thích của các tông phái mà có ý nghĩa không đồng, thế nhưng, câu “phát Bồ đề tâm” có thể thấy khắp trong các kinh luận, biến khắp Hiền thừa và Mật thừa, ý khí bao la, nghĩa lý thâm thúy. Nguyên các vị hành giả, không nên chấp trước vào một khía cạnh mà bài xích tất cả. Thịnh cầu các vị tu hạnh vãng sinh, hãy phát Bồ đề tâm theo tông phái của mình. Dù không tu tập các công hạnh khác, có thể dùng sự phát Bồ đề tâm làm nghiệp vãng sinh.

Tin sâu nhân quả: đây cũng có hai phần: một là nhân quả thế gian, hai là nhân quả xuất thế gian. Nhân quả thế gian, tức là nhân quả của sáu nẻo, như trong Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh có nói. Nhân quả xuất thế gian, tức là nhân quả của bốn quả Thánh, như trong các kinh Đại, Tiểu thừa có nói.

Về việc dùng hai pháp nhân quả này để thâm nhiếp các kinh điển, lập trường của các tông phái cũng không hoàn toàn tương đồng. Thiên Thai Tông cho rằng kinh Hoa Nghiêm nói về hai loại nhân quả của Phật và Bồ tát, A Hàm Kinh nói về nhân quả của Nhị thừa (Thanh văn, Duyên giác), các kinh Phương đẳng nói về nhân quả của bốn Thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật), các kinh Bát Nhã nói về nhân quả của ba giáo (thông giáo, biệt giáo, viên giáo), kinh Pháp Hoa nói về nhân quả của Phật, kinh Niết Bàn lại nói về nhân quả của bốn Thừa. Như vậy, câu “tin sâu nhân quả” phổ biến, bao trùm tất cả giáo pháp của Đức Phật! Các hành giả nguyện cầu vãng sinh, dù không tu tập một công hạnh nào khác, có thể dùng sự tin sâu nhân quả làm nghiệp vãng sinh.

Đọc tụng kinh điển Đại thừa: đây cũng chia làm hai phần: một là đọc tụng, hai là Đại thừa.

a/ Đọc tụng, tức là trong năm loại pháp sư, liệt kê hai loại pháp sư: đọc kinh và phúng tụng, để hiển lộ ba loại pháp sư: thọ trì, v.v.. Nếu nói về mười loại pháp hành, thì ở đây liệt kê hai loại pháp hành: chuyên đọc và phúng tụng, để hiển lộ tám loại pháp hành: biên chép, cúng dường, v.v..

b/ Đại thừa: là để phân biệt với Tiểu thừa. Ở đây không chỉ riêng một bộ kinh nào mà chỉ chung cho tất cả các kinh Đại thừa. Ý của Đức Phật là chỉ chung cho tất cả các kinh điển Đại thừa mà Ngài đã giảng nói, thế nhưng trong các kinh điển này, có những kinh điển đã được kết tập và cũng có những kinh điển chưa được kết tập. Trong các kinh điển đã được kết tập, hoặc có những kinh điển còn ẩn tàng ở Long cung chưa được lưu bố tại nhân gian, hoặc có những kinh điển còn lưu tại Ấn Độ chưa được truyền đến Trung Quốc. Hiện nay, chúng ta chỉ bàn đến các kinh điển đã được phiên dịch. Trong bộ Trình Nguyên Nhập Tạng Lục, bắt đầu từ bộ Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển, cho đến phần cuối là các bộ Pháp Thường Trụ Kinh, Hiền Mật Đại Thừa Kinh, tổng cộng sáu trăm ba mươi bảy bộ (hai ngàn tám trăm tám mươi ba quyển), tất cả đều được bao hàm trong câu “đọc tụng kinh điển Đại thừa”. Xin nguyện các hành giả Tịnh Độ, mỗi người tùy theo ý thích của mình, hoặc đọc tụng Pháp Hoa làm nghiệp vãng sinh, hoặc đọc tụng Hoa Nghiêm làm nghiệp vãng sinh, hoặc đọc tụng Giá Na Giáo Vương Kinh, cùng dùng các giáo pháp khác làm nghiệp vãng sinh, hoặc là dùng sự thuyết giảng, biên chép các kinh Bát Nhã, Phương Đẳng, nhấn đến kinh Niết Bàn làm nghiệp vãng sinh. Đây là bản ý của Quán Vô Lượng Thọ Kinh trong Tịnh Độ Tông.

Hỏi: Ý chỉ của Hiền thừa và Mật thừa khác nhau, làm sao trong Hiền giáo lại bao hàm Mật giáo?

Trả lời: Đây không có nghĩa là Hiền giáo bao hàm Mật giáo, mà ý muốn nói rằng cả hai loại kinh điển Hiền giáo và Mật giáo đều được ghi chép trong Trình Nguyên Nhập Tạng Lục, đều được gộp vào trong tạng kinh Đại thừa, cho nên được bao hàm trong câu “đọc tụng kinh điển Đại thừa”.

Hỏi: Nếu vậy, các kinh trước thời Pháp Hoa làm sao có thể bao hàm kinh Pháp Hoa?

Trả lời: Ở đây, nói “bao hàm”, không bàn luận đến các ý nghĩa quyền, thực, thiên, viên, v.v.. Câu “đọc tụng Đại thừa” là chỉ chung cho các kinh điển Đại thừa trước và sau. “Trước”, nghĩa là các kinh điển Đại thừa có trước Quán Kinh, “sau”, nghĩa là các kinh điển Đại thừa có sau Quán Kinh. Ở đây chỉ nói Đại thừa mà không chọn lựa quyền, thực, cho nên bao hàm tất cả các kinh điển Đại thừa, như Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn, v.v..

**Khuyến tấn hành giả:** nghĩa là khuyến tấn các công hạnh: định thiện, tán thiện và Niệm Phật Tam Muội, v.v..

2/ Chín phẩm: khai triển ba phước của phần trên thành nghiệp của chín phẩm:

a/ Thượng phẩm thượng sinh: “tù tâm không giết hại”, tức là câu thứ ba trong phần “phước thế gian” ở trên; kế đến, “đầy đủ giới hạnh”, tức là câu thứ hai “đầy đủ giới hạnh” trong phần phước trì giới ở trên; kế đến, “đọc tụng Đại thừa”, tức là câu thứ ba “đọc tụng Đại thừa” trong phần “phước hành trì” ở trên; kế đến “tu hành lục niệm”, tức là ý nghĩa của phần thứ ba trong phần “Ba phước” ở trên.

b/ Thượng phẩm trung sinh: “khéo giải nghĩa thú, v.v..”, tức là ý nghĩa thứ hai (tin sâu hơn quả) và thứ ba (đọc tụng kinh điển Đại thừa) trong phước thứ ba (phước hành trì) ở trên.

c/ Thượng phẩm hạ sinh: “tin sâu nhân quả, phát đạo tâm, v.v..”, tức là ý nghĩa thứ nhất (phát Bồ đề tâm) và thứ hai (tin sâu hơn quả) trong phước thứ ba ở trên.

d/ Trung phẩm thượng sinh: “thọ trì ngũ giới, v.v..”, tức là ý nghĩa của câu thứ hai (đầy đủ giới hạnh) trong phước thứ hai (phước trì giới) ở trên.

e/ Trung phẩm trung sinh: “hoặc một ngày một đêm, trì bát quan trai giới, v.v..”, ý nghĩa giống như phước thứ hai (phước trì giới) ở trên.

f/ Trung phẩm hạ sinh: “hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhân từ thế gian, v.v..”, tức là ý nghĩa của câu thứ nhất (hiếu dưỡng cha mẹ) và thứ hai (từ tâm không giết hại) trong phước thứ nhất (phước thế gian) ở trên.

g/ Hạ phẩm thượng sinh: đây là người tội làm mười điều ác, lúc lâm chung nhờ một niệm mà được vãng sinh.

h/ Hạ phẩm trung sinh: đây là người phạm tội phá giới, lúc lâm chung nghe công đức của y báo và chánh báo của cõi Phật mà được vãng sinh.

i/ Hạ phẩm hạ sinh: đây là người phạm tội ngũ nghịch, lúc lâm chung nhờ mười niệm mà được vãng sinh. Ba hạng người này, lúc bình thời, chỉ biết tạo nghiệp ác, tuy không cầu sinh, nhưng lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, liền được vãng sinh. Nếu chuẩn theo ba phước trên, phước thứ ba có ý nghĩa Đại thừa.

Định thiện, tán thiện, đại khái như đoạn văn trên, tức là câu “Từ trước đến nay, tuy nói sự lợi ích của hai môn định thiện và tán thiện”.

Kế đến, “Niệm Phật”, tức là “chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà”, ý nghĩa Niệm Phật ở đây, là theo ý nghĩa thông thường. Thế nhưng, hiện nay nói “chánh thức nêu rõ sự phó chúc danh hiệu Phật A Di Đà, lưu truyền lâu xa về sau”, nghĩa là trong kinh này, tuy nói rộng về các hạnh định thiện tán thiện, nhưng không phó chúc ngài A Nan lưu truyền các công hạnh đó đến đời sau, mà chỉ phó chúc ngài A Nan lưu truyền “Niệm Phật Tam Muội” đến đời lâu xa về sau.

Hỏi: Tại sao không phó chúc lưu truyền các hạnh định thiện, tán thiện? Nếu y vào sự tạo nghiệp dày mỏng, thì trong ba phước, có dày có mỏng, nghiệp mỏng tức là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, còn nghiệp dày tức là đầy đủ giới hạnh, phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa. Phải nên xả bỏ nghiệp mỏng mà phó chúc nghiệp dày. Nếu y vào pháp quán sâu cạn, thì trong mười ba pháp quán có sâu có cạn, pháp quán cạn tức là quán mặt trời và quán nước, còn pháp quán sâu tức là từ pháp quán đất, cho đến pháp quán tạp tướng, tổng cộng có mười một pháp quán. Phải nên xả bỏ pháp quán cạn mà phó chúc pháp quán sâu. Trong đây, pháp quán thứ chín, quán thân Đức A Di Đà tức là Quán Phật Tam Muội, cần phải xả bỏ mười hai pháp quán kia, mà phó chúc Quán Phật Tam Muội. Lại nữa, điều này giống như trong phần Huyền Nghĩa của Quán Kinh Sớ nói: “Kinh này, Quán Phật Tam Muội làm tông, đồng thời, Niệm Phật Tam Muội làm tông”, nếu đã dùng hai hạnh làm tông cho một bộ kinh, tại sao lại phế bỏ Quán Phật Tam Muội mà phó chúc Niệm Phật Tam Muội?

Trả lời: Đã nói “xét bốn nguyện của Phật, ý muốn chúng sinh, một lòng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà”, các công hạnh định thiện tán thiện không phải bốn nguyện cho nên không phó chúc. Quán Phật Tam Muội, tuy là công hạnh thù thắng, nhưng vẫn không phải là bốn nguyện của Phật, cho nên không phó chúc, còn Niệm Phật Tam Muội là bốn nguyện của Phật, cho nên phó chúc. Nói “xét bốn nguyện của Phật”, là chỉ cho nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện trong Vô Lượng Thọ Kinh, còn nói “một lòng chuyên xưng danh hiệu”, là chỉ cho câu “một lòng chuyên niệm” trong phần ba hạng người vãng sinh của kinh Vô Lượng Thọ. Ý nghĩa của bốn nguyện, phần trên đã nói rõ.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao không nói trực tiếp bốn nguyện công hạnh Niệm Phật, mà lại nói vòng vo các công hạnh định thiện, tán thiện, không phải bốn nguyện?

Trả lời: Trong Vô Lượng Thọ Kinh đã nói rõ ràng về bốn nguyện công hạnh Niệm Phật, ở đây không cần lập lại. Vả lại, nói về định thiện, tán thiện, là muốn hiển minh công hạnh Niệm Phật vượt hơn các công hạnh khác, nếu như không nói về định thiện, tán thiện, thì làm sao hiển minh Niệm Phật là đặc biệt ưu tú, chẳng hạn như trong kinh Pháp Hoa, ngài Xá Lợi Phất ba lần khai thính, nếu không có ba lần khai thính này, làm sao hiển bày kinh Pháp Hoa là đệ nhất. Bởi thế, hiện nay nêu ra các công hạnh định thiện, tán thiện, là để phế bỏ chúng, còn nêu ra Niệm Phật Tam Muội là để xác lập công hạnh này. Thế nhưng, các công hạnh định thiện, tán thiện, khó mà trắc lượng, chẳng hạn các công hạnh định thiện, như các pháp quán y báo, chánh báo, nếu như thành tựu, thế nguyện vãng sinh dễ dàng như trở bàn tay. Hoặc là do uy lực của một pháp quán mà có thể tiêu trừ tội khiên nhiều kiếp, hoặc là do công đức của sự nhớ tưởng đến Phật mà chứng được Quán Phật Tam Muội. Như vậy, người tu Tịnh Độ, phải



nên tu hành định quán, mà ở đây pháp quán thứ chín, quán chân thân của Phật, chính là pháp tu Quán Phật Tam Muội. Nếu công hạnh này thành tựu, hành giả sẽ thấy được chân thân của Đức A Di Đà, thấy được Đức A Di Đà, thì sẽ thấy được chư Phật, và được chư Phật hiện tiền thọ ký, đây là sự lợi ích thâm sâu nhất của sự tu quán. Thế nhưng hiện nay đến phần lưu thông của Quán Kinh, khi Đức Phật mệnh lệnh ngài A Nan, phó chúc pháp tu trọng yếu để vãng sinh, Ngài không đem pháp Quán Phật, mà lại đem pháp Niệm Phật phó chúc. Ngay cả pháp Quán Phật Tam Muội còn không được phó chúc, huống là các pháp quán mặt trời, quán nước, v.v..! Như vậy, cả mười pháp định quán đều không được phó chúc, nếu như có người ưa tu pháp Quán Phật, mà không tu Niệm Phật, đây không những đi ngược với bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, mà còn đi ngược với lời dặn dò của Đức Phật Thích Ca. Hành giả hãy nên tự thâm xét.

Kể đến, trong phần tán thiện, có công hạnh “**trì giới**” Đại thừa, Tiểu thừa. Người đời đều cho rằng người trì giới là người nắm chìa khóa cho sự vãng sinh, còn kẻ phá giới thì không được vãng sinh.

Lại có công hạnh “**phát Bồ đề tâm**”, mọi người đều cho rằng Bồ đề tâm là cương yếu của Tịnh Độ, nếu không có Bồ đề tâm thì không thể vãng sinh.

Lại có công hạnh “**giải độ nhất nghĩa**”, đây là lý quán. Mọi người đều cho rằng lý là căn nguyên của quả Phật, không thể bỏ “lý” mà mong cầu cõi Tịnh Độ, nếu không có lý quán thì không thể vãng sinh.

Lại có công hạnh “**đọc tụng Đại thừa**”, mọi người đều cho rằng đọc tụng kinh điển Đại thừa ắt sẽ được vãng sinh, nếu không đọc tụng thì không được vãng sinh. Ở đây có hai trường hợp: (1) trì kinh, (2) trì chú. Trì kinh tức là thọ trì các kinh điển Đại thừa, như Bát Nhã, Pháp Hoa, v.v..., còn trì chú tức là thọ trì các thần chú như Tỳ Cầu, Tôn Thắng, Quang Minh, A Di Đà, v.v..

Tuy rằng mọi người đều ưa thích mười một loại công hạnh tán thiện, thế nhưng bọn họ đều đặc biệt ưa thích hành trì bốn loại công hạnh vừa đề cập phía trên, và thường đem bốn loại công hạnh đó để chèn ép công hạnh Niệm Phật. Kính thỉnh hành giả thâm xét, sẽ thấy rằng bốn ý của kinh này không phải là đem các công hạnh khác phó chúc lưu truyền, mà chỉ đem một công hạnh Niệm Phật phó chúc lưu truyền đời sau. Chúng ta phải nên hiểu như vậy. Đức Thế Tôn sở dĩ không phó chúc các công hạnh khác, bởi vì chúng không phải là bốn nguyện của Đức A Di Đà, và Ngài sở dĩ phó chúc công hạnh Niệm Phật, là vì đây là bốn nguyện của Đức A Di Đà. Hiện nay, Thiên Đạo Hòa Thượng phê bỏ các công hạnh khác mà quay về Niệm Phật, bởi vì đây không những là công hạnh bốn nguyện của Đức A Di Đà, mà còn là công hạnh mà Đức Thích Ca phó chúc. Nên biết, các công hạnh khác không thích ứng căn cơ, thời tiết, còn công hạnh Niệm Phật vãng sinh thì lại thích ứng căn cơ, thời tiết. Sự cảm ứng giữa Phật và chúng sinh lẽ nào lại để cho luống uổng!

Nên biết, lúc đầu Đức Phật tùy thuận căn cơ chúng sinh, tuy tạm thời mở ra những pháp môn định thiện tán thiện, thế nhưng sau đó Ngài lại tùy thuận bốn hoài của mình, bèn đóng lại những pháp môn đó, chỉ có một pháp môn duy nhất được mở ra mà không bao giờ bị đóng lại, đó là pháp môn Niệm Phật. Bốn nguyện của Đức A Di Đà, sự phó chúc của Đức Thích Ca, bốn ý là tại chỗ này. Hành giả phải nên biết như vậy!

Lại nữa, câu “đời lâu xa về sau”, y theo bốn ý của kinh Vô Lượng Thọ, là muốn chỉ thời kỳ một trăm năm sau thời mạt pháp, đây là “nêu cái xa để bao quát cái gần”. Như vậy, sau thời mạt pháp còn được phó chúc, huống là thời mạt pháp! Thời mạt pháp còn vậy, huống là thời chánh pháp và tượng pháp. Nên biết, pháp Niệm Phật vãng sinh là chung cho cả ba thời (chánh, tượng và mạt pháp) và cả thời một trăm năm sau khi kinh đạo diệt tận!

### **Chú thích:**

Câu này chia làm ba phần: phần một là “phước thế gian”, gồm bốn điều, phần hai là “phước trì giới”, gồm ba điều, và phần ba là “phước hành trì”, gồm bốn điều.

Năm loại pháp sư: 1. pháp sư thọ trì, 2. pháp sư đọc kinh, 3. pháp sư tụng kinh, 4. pháp sư giải thuyết, 5. pháp sư biên chép.

Mười loại pháp hành: 1. biên chép, 2. cúng dàng, 3. bố thí, 4. thỉnh cầu, 5. chuyển đọc, 6. thụ trì, 7. khai diễn, 8. phúng tụng, 9. tư duy, 10. tu tập.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, phần thượng phẩm thượng sinh nói: “Có ba hạng chúng sinh được sinh Cực Lạc: Một là có lòng thương xót, không giết hại, giữ tròn các giới hạnh, ..., ba là tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện sanh về Cực Lạc.” Ở đây, theo ngài Pháp Nhiên, tu hành lục niệm là tu các công hạnh trong phần “phước hành trì” ở trên, chứ không phải là tu lục niệm theo ý nghĩa thông thường là “niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên”.